

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS - ST

Ngày: 30/9/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoài Bảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Dũng.

2. Bà Lại Thị Thúy Hằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Tuấn Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-DS ngày 28/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2020/QĐST-DS ngày 14/9/2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ngân hàng V.

Địa chỉ trụ sở: 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông N D, sinh năm: 1968

Người đại diện theo ủy quyền: Ông L T sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Tầng 1, số 96 C, phường T, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Ông H H, sinh năm: 1985.

HKTT Và địa chỉ cư trú: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Trần Thị Nhật Cúc, sinh năm: 1987

HKTT: Buôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông L T có mặt, bị đơn ông H H và bà T C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 10/7/2020, các bản tự khai và biên bản lấy lời khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông L T trình bày:

Ngày 29/6/2017, ngân hàng TMCP V – CN S có cho ông H H và bà T C vay vốn theo hợp đồng tín dụng số LN170526006309/HHT/HĐTD với nội dung như sau:

- Số tiền vay: 313.000.000 đồng
- Mục đích vay: Vay mua ô tô con hiệu Chevrolet, mới 100%.
- Thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 29/06/2017 đến ngày 29/06/2022)
- Lãi suất: 8.9%/năm cố định trong 03 tháng đầu tiên.

Tài sản thế chấp: quyền sở hữu 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số khung RLLMF48DJHH943533, số máy RLLMF48DJHH943533, mang biển kiểm soát số: 60A – 397.29, đứng tên ông H H theo giấy chứng nhận 072827 do phòng CSGT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/06/2017; Hợp đồng thế chấp LN170526006309/HHT/HĐTC.

Dư nợ thực tế tính đến hết ngày 30/9/2020 là:

- Nợ gốc: 266.046.906 đồng
- Nợ lãi: 144.414.504 đồng

Tổng cộng: 410.461.410 đồng

Khoản vay tiêu dùng qua thẻ tín dụng theo giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm ngày 25/5/2017: số tiền 38.000.000 đồng, mục đích vay: vay tiêu dùng.

Dư nợ thực tế tính đến hết ngày 30/9/2020:

- Nợ gốc: 33.845.511 đồng
- Nợ lãi: 40.158.207 đồng

Tổng cộng: 74.003.718 đồng

Tổng dư nợ thực tế của cả 02 khoản vay trên tính đến hết ngày 30/9/2020 là: 484.465.128 đồng, trong đó nợ gốc: 299.892.417 đồng, tiền lãi: 184.572.711 đồng.

Trong thời gian thực hiện các hợp đồng nêu trên, ông H H và bà T C đã nhiều lần vi phạm các kỳ trả nợ gốc, nợ lãi. Mặc dù, phía ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, đôn đốc, nhắc nhở để ông H H và bà T C thực hiện việc trả nợ đúng kỳ hạn đã ký kết trong các hợp đồng nhưng ông H H và bà T C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay phía ngân hàng đề nghị buộc ông H H và bà T Trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền (tính đến ngày 30/9/2020): 484.465.128 đồng. Ngoài ra, ông H H và bà T Còn phải chịu lãi quá hạn từ ngày 30/9/2020 cho đến khi trả xong số nợ còn lại theo lãi suất thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp ông H H và bà T Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát tài sản thế chấp: Quyền sở hữu 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, mang biển kiểm soát số: 60A – 397.29, đứng tên ông H H theo giấy chứng nhận 072827 do phòng CSGT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/06/2017 theo Hợp đồng thế chấp LN170526006309/HHT/HĐTC.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bị đơn ông H H trình bày:

Vào ngày 29/6/2017 ông và bà T Có làm hợp đồng vay tiền của ngân hàng VPBank để vay số tiền 313.000.000 đồng để mua xe Chevrolet, thời hạn vay 60 tháng, không ghi lãi suất cụ thể, theo hợp đồng tín dụng số LN170526006309/HHT/HĐTD, khi vay ông có thế chấp một chiếc xe Chevrolet biển số 60A – 39.729, giấy xe đứng tên mình ông, bản gốc giấy tờ xe ngân hàng giữ, ngân hàng đưa cho ông bản sao, ngoài ra 03 tháng ngân hàng sẽ cấp cho ông giấy phép lưu hành xe. Khoản vay nay đến nay ông đã thanh toán được 11 tháng, số tiền gốc và lãi ông đã thanh toán là khoảng 72.000.000 đồng, số tiền cụ thể ông không nhớ. Hiện nay ông còn thiếu lại tiền gốc của ngân hàng VPBank số tiền 266.046.969 đồng, còn tiền lãi ông không biết. Ngoài ra, ngày 25/5/2017 ông và bà T Có vay của ngân hàng VPBank khoản vay 38.000.000 đồng, khoản vay này là vay tín chấp, cũng không thỏa thuận lãi suất cụ thể, cũng không nói thời hạn thanh toán với ông. Ông cũng thanh toán được 11 tháng, số tiền cả gốc và lãi khoảng 18.000.000 đồng, ông không nhớ cụ thể. Hiện nay ông còn nợ gốc của khoản vay này là 33.845.511 đồng, còn tiền lãi ông không biết.

Ông đồng ý thanh toán số tiền 363.193.766 đồng cho ngân hàng VPBank, tuy nhiên ông đề nghị chốt lại số nợ trên, không phát sinh thêm tiền lãi nữa. Ông đồng ý thanh toán cho ngân hàng trong vòng 36 tháng. Ông sẽ thanh toán khoản tiền này một mình, vì ông vay mua xe để sử dụng một mình không liên quan đến bà T Và hiện nay ông và bà Cúc cũng đã ly hôn.

Bị đơn bà T Đã được Tòa án triệu tập họp lệ làm việc nhưng không đến nên không có lời khai.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Hồ sơ pháp nhân của nguyên đơn, hồ sơ vay vốn, thế chấp giữa nguyên đơn và bị đơn, thủ tục ủy quyền của nguyên đơn, lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bản tự khai của bị đơn, biên bản lấy lời khai của bị đơn, các biên bản xác minh của Tòa án, hồ sơ ủy thác, Các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng. Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà T Chiện không còn cư trú tại địa chỉ Buôn Ea Brah, xã Ea Sô, huyện Ea Kà, tỉnh Đắk Lắk và địa chỉ Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ của bà Cúc theo địa chỉ được ghi trong các hợp đồng tín dụng, thế chấp xe ô tô, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bà Cúc, khi bà Cúc thay đổi nơi cư trú không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ nơi cư trú của bà Cúc nhưng không biết được hiện nay bà Cúc đang cư trú tại đâu, nên đây được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bị đơn ông H H và bà T C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là ông H H và bà T C theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông H H và bà T C phải thanh toán số tiền vay cho Ngân hàng TMCP V theo hai hợp đồng tín dụng tính đến ngày 30/9/2020 là: 484.465.128 đồng. Trong đó khoản vay theo hợp đồng tín dụng số LN170526006309 nợ gốc: 266.046.906 đồng; nợ lãi là: 144.414.504 đồng; khoản vay tiêu dùng qua thẻ tín dụng theo giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm ngày 25/5/2017: nợ gốc là 33.845.511 đồng, nợ lãi là 40.158.207 đồng. Ngoài ra, ông H H và bà T C còn phải chịu lãi quá hạn cho đến khi trả xong số nợ còn lại theo lãi suất thảo thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết. Các tài sản bảo đảm cho khoản vay được thực hiện theo hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết. Bị đơn bà T C được Tòa án triệu tập làm việc nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, ông H H không đồng ý với yêu cầu của Nguyên đơn. Do đó, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và lãi của nguyên đơn nhận thấy: Nguyên đơn cung cấp một bộ hồ sơ vay vốn, gồm hợp đồng tín dụng số LN170526006309 ngày 29/6/2017, hợp đồng thế chấp số LN170526006309, giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm ngày 25/5/2017, nội dung vay tiền và thế chấp tài sản bị đơn là ông H H đều thừa nhận là sự thật, đồng thời bị đơn bà T C vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối, nên các lời khai và chứng cứ của nguyên đơn đưa ra không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ những căn cứ trên xác định bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi của hai khoản vay tính đến ngày 30/9/2020 là 484.465.128 đồng. Do đó chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu ông H H và bà T C cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền trên, ông H H có ý kiến đề nghị một mình thanh toán toàn bộ số tiền trên vì cho rằng đây là khoản nợ riêng của ông. Tuy nhiên, nguyên đơn cung cấp các hợp đồng vay vốn và thế chấp tài sản đều có chữ ký của cả ông Hải và bà Cúc, ông Hải cũng thừa nhận việc này, thời điểm các bên ký kết các hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản thì quan hệ hôn nhân giữa ông Hải và bà Cúc là hợp pháp, chưa chấm dứt, do đó xác định đây là khoản vay chung của ông Hải, bà Cúc, ông Hải, bà Cúc có trách nhiệm liên đới thanh toán cho TMCP V toàn bộ số tiền trên.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Đối với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3, Điều 26; khoản 1, Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92, khoản 1 Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1, khoản 3, Điều 228; các Điều: 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

Căn cứ: Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V đối với bị đơn ông H H và bà T C về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông H H và bà T C phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng V số tiền 484.465.128 đồng (Trong đó khoản vay theo hợp đồng tín dụng số LN170526006309/HHT/HĐTD ngày 29/6/2017 nợ gốc: 266.046.906 đồng, nợ lãi là: 144.414.504 đồng; khoản vay tiêu dùng qua thẻ tín dụng theo giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm ngày 25/5/2017: nợ gốc là 33.845.511 đồng, nợ lãi là 40.158.207 đồng).

Tài sản đảm bảo thi hành án cho khoản vay theo hợp đồng số LN170526006309/HHT/HĐTD ngày 29/6/2017: xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, biển số 60A-397.29, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 072827 do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/6/2017 (Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN170526006309/HHT/HĐTC ký ngày 29/6/2017).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/10/2020) ông H H và bà T C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tương ứng trong từng hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H H và bà T C phải chịu 23.378.000đ (hai mươi ba triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền 9.079.000đ (chín triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001966 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

- Lưu.

Nguyễn Hoài Bảo